TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 3 năm 2025
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ,TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc

Ông Nguyễn Trần Mạnh Trường

Thư ký phiên toà: Ông Nghiêm Xuân Huy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Trịnh Hoàng Miên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 144/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị X, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn Th, xã H, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1976; Địa chỉ HKTT: Thôn Th, xã H, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; Hiện đang chấp hành án tại Đội 2, phân trại số 1, Trại giam V - Cục C10, Bộ Công an. Địa chỉ: xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 25/11/2024, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị X trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn L ngày 04/9/2003 và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện L nay là huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và không bị ai lừa dối, ép buộc kết hôn. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh L ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và bất đồng quan điểm về làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Năm 2019 mâu thuẫn trầm trọng, anh L đã đuổi chị ra khỏi nhà nên vợ chồng thường không quan tâm và yêu thương nhau. Tháng 9 năm 2019 anh L vi phạm pháp luật về tội Hiếp dâm và bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử mức án chung thân. Hiện nay anh L đang chấp hành án tại đội 2, phân trại số 1, Trại giam V. Nay chị xác định mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/01/2000 và Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 19/10/2008. Hiện nay cháu N đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu H hiện nay đã thành niên, có gia đình riêng nên chị không đề nghị giải quyết.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có quan điểm trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh L xác nhận về điều kiện kết hôn, thời điểm kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như chị X trình bày là đúng. Nay chị X xin ly hôn, mặc dù anh L xác định không còn tình cảm vợ chồng nhưng không đồng ý ly hôn để sau này các con, các cháu của anh có đầy đủ bố mẹ, ông bà.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/01/2000 và Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 19/10/2008. Hiện nay cháu H đã trưởng thành, có gia đình riêng, còn cháu N còn nhỏ nên anh đồng ý để chị X nuôi con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Anh không đề nghị giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy

định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị xử cho chị Hoàng Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn L. Về nuôi con: giao chị X được nuôi dưỡng cháu N và cháu H dã thành niên nên không xem xét. Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị X phải chịu nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị X và anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 9 năm 2003 tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện L nay là huyện Sông Lô trên cơ sở tự nguyện kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị X và anh L đều có quan điểm trình bày quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng không hạnh phúc và hiện nay anh L đang đi chấp hành án chung thân về tội Hiếp dâm. Chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên đề nghị được ly hôn anh L, anh L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn để các cháu có đủ ông bà. Như vậy có thể thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị X xin ly hôn anh L là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

[3] Về nuôi con chung: Chị X và anh L có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/01/2000 và Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 19/10/2008. Ly hôn chị X và anh L đều có quan điểm thống nhất để chị X được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện nay cháu N đang ở cùng chị X; trong quá trình giải quyết vụ án cháu N trình bày hiện nay đã nghỉ học và đang đi làm, có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ. Do vậy để tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt và ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của con, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị X và anh L để chị

X được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với cháu Nguyễn Thị H hiện đã thành niên và chị X không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị X và anh L không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô là có căn cứ và phù hợp với với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1.Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về nuôi con: Chị Hoàng Thị X được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 19/10/2008 và hiện nay con đang ở cùng chị X. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3.Về án phí: Chị Hoàng Thị X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0001084 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

4.Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Sông Lô;*
- *Chi cục THADS huyện Sông Lô;*
- *UBND xã H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VP, hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên

Khương Đặng Khánh Hằng

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng